TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:28/2024/DS-ST Ngày: 02 - 8- 2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Minh Kha

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

2. Bà Trương Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 459/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06/2024/QĐST-DS ngày 24/7/2024

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Như H1, sinh năm 2001; cùng địa chỉ: Số B đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; (bà H1 có mặt, bà T vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị Thu L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 24/3/2021 (nhằm ngày 12/02/2021 âm lịch) bà Nguyễn Thị Bích H có cho bà Lê Thị Thu L vay số tiền là 55.000.000 đồng, mục đích bà L để lo việc gia đình, bà L hẹn sau 30 ngày trả cho H nhưng từ đó đến nay bà L vẫn chưa trả. Trước đây H đã nhiều lần trực tiếp yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L cứ hứa hẹn và cố tình né tránh trách nhiệm trả nợ. Ngày 03/7/2023 bà H gửi thông báo yêu cầu bà L trả nợ cho tôi (có kèm theo nội dung thông báo và vận đơn bưu gửi).

Trong thời gian vay hai bên không thoả thuận lãi suất, nhưng đến nay đã quá thời hạn hẹn trả, nên tôi tính lãi suất 8%/năm theo lãi suất ngân hàng. Mặc dù trong giấy vay không có chữ ký của ông Đ nhưng giữa bà L và ông Đ hôn nhân đang tồn tại, mục đích vay để lo cho gia đình nên ông Đ có nghĩa vụ cùng bà L trả nợ

Do vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Lê Thị Thu L và ông Huỳnh Ngọc Đ phải liên đới trả cho bà H số tiền gốc đã mượn là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 8%/năm theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày bà H có giấy báo yêu cầu trả nợ ngày 03/7/2023

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc vợ chồng bà Lê Thị Thu L, ông Huỳnh Ngọc Đ trả cho bà H số tiền vay gốc 55.000.000 đồng và 4.400.000 đồng tiền lãi (tiền lãi tính từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/7/2024 với lãi suất 8%/ năm)

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án, bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Lê Thị Thu L trình bày: Giữa bà Lê Thị Thu L và bà Nguyễn Thị Bích H là chỗ quen biết nhau nên ngày 12/02/2021 (âm lịch) có vay của của H số tiền 55.000.000 đồng, vay không xác định thời hạn, khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 10%/ tháng. Mục đích vay là để sử dụng cho cá nhân (làm đẹp và mua đồ cho cá nhân). Lúc vay thì chồng bà là ông Huỳnh Ngọc Đ không biết. Trước đây bà H có điện thoại thông báo cho bà để trả nợ chưa có tiền trả cho bà H. Nay bà Lê Thị Thu L thừa nhận cá nhân bà còn nợ bà Nguyễn Thị Bích H số tiền vay gốc 55.000.000 đồng. Về tiền lãi bà không đồng ý trả

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh Đ1 trình bày: Việc bà Lê Thị Thu L vay tiền của bà Nguyễn Thị Bích H với số tiền 55.000.000 đồng thì cá nhân bà L, ông Đ1 không hề hay biết, đến khi Tòa án thông báo thì ông Đ1 mới biết việc bà L vay tiền của bà H. Việc bà Lê Thị Thu L vay tiền của bà H là để sử dụng cho cá nhân bà L, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Vì vậy ông không đồng ý cùng với bà L trả nợ cho bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị Thu L trả nợ cho bà H số tiền vay gốc 55.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/7/2024 với tiền 4.400.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà L phải trả cho bà H là 59.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 31/10/2023 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị Thu L, ông Huỳnh Ngọc Đ ở tổ dân phố E, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi trả nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc Đ có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Huỳnh Ngọc Đ.

[1.3] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc vợ chồng bà Lê Thị Thu L, ông Huỳnh Ngọc Đ trả cho bà H số tiền vay gốc 55.000.000 đồng và 4.400.000 đồng tiền lãi (tiền lãi tính từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/7/2024 với lãi suất 8%/ năm). Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá yêu cầu khởi kiện.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ chỗ quen biết nên ngày 12/02/2021 bà Nguyễn Thị Bích H có cho bà Lê Thị Thu L vay với số tiền 55.000.000 đồng, hợp đồng vay không xác định thời hạn. Bà Lê Thị Thu L cũng thừa nhận ngày 12/02/2021 có vay của bà Nguyễn Thị Bích H số tiền vay gốc 55.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo giấy vay tiền thì không xác định thời hạn và không ghi lãi suất. Nguyên đơn cho rằng khi vay không thỏa thuận lãi suất. Bị đơn cho rằng khi vay thỏa thuận lãi suất 10 %/ tháng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Như vậy, có căn cứ để khẳng định rằng giữa Nguyễn Thị Bích H và bà Lê Thị Thu L có xác lập hợp đồng vay tài sản là có thật. Đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi vay, khi cần tiền để làm ăn nên bà Nguyễn Thị Bích

H đã nhiều lần thông báo về việc trả nợ nhưng đến nay bà Lê Thị Thu L vẫn chưa trả số tiền trên, tại phiên tòa bà L cũng thừa nhận bà H có điện thoại thông báo trả nợ. Bà Lê Thị Thu L không trả nợ cho bà H khi được thông báo là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo hợp đồng vay thể hiện chỉ một mình bà L vay tiền và không thể hiện mục đích vay tiền của bà L. Theo trình bày thì bà L cho rằng vay tiền về mục đích để sử dụng làm đẹp cho cá nhân, ông Huỳnh Ngọc Đ không biết. Nguyên đơn cho rằng bà L vay tiền về lo việc gia đình nhưng không đưa ra được tại liệu chứng cứ chứng minh việc bà L vay số tiền 55.000.000 đồng vào mục đích cho gia đình. Do đó không có căn cứ xác định việc bà L sử dụng số tiền 55.000.000 đồng vào mục đích chung của giao đình. Nên việc nguyên đơn yêu cầu ông Huỳnh Ngọc Đ liên đới cùng bà L trả nợ cho bà H là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Thu L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 55.000.000 đồng tiền vay gốc.

[2.2] Về lãi suất: Việc nguyên đơn yêu cầu trả lãi từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/7/2024 với số tiền 4.400.000 đồng (theo lãi suất 8%/ năm). Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là phù hợp nên được chấp nhận. Buộc bà Lê Thị Thu L trả tiền lãi cho bà H 4.400.000 đồng

[3] Tổng cộng số tiền gốc và lãi mà bà Lê Thị Thu L phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích H 59.400.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc 55.000.000 đồng, tiền nợ lãi 4.400.000 đồng)

[4] Đối với việc bà Lê Thị Thu L cho rằng thực hiện việc trả lãi là 10%/ tháng những bà L không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Mặc khác bà Lê Thị Thu L không có yêu cầu tính lại lãi suất, không có tranh chấp lãi suất. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Lê Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 59.400.000 đồng x 5% = 2.970.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí 1.407.500 đồng mà bà H đã nộp tại biên lai số 0001219 ngày 25/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

[6] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H. Buộc bà Lê Thị Thu L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 59.400.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc 55.000.000 đồng, tiền nợ lãi 4.400.000 đồng)

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H về việc buộc ông Huỳnh Ngọc Đ liên đới cùng bà L trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.970.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí 1.407.500 đồng mà bà H đã nộp tại biên lai số 0001219 ngày 25/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích H, bà Lê Thị Thu L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Ngọc Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THDS thị xã Đức Phổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Minh Kha